

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HS-ST

Ngày: 07/11/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Như Lữ.

2. Bà Nguyễn Thu Hiền.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Cà Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông tham gia phiên tòa: Ông Thảo A Sùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 06/2022/TLST-HS, ngày 24 tháng 10 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HS, ngày 26/10/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T** (tên gọi khác: không); sinh ngày 27/9/1992 tại xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nơi cư trú: bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1966 và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; gia đình bị cáo có 02 chị em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; có vợ Lò Thị L, sinh năm 1966 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/3/2022 đến ngày 03/4/2022 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Quàng Văn C** (tên gọi khác: không); sinh ngày 15/12/1995, tại huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nơi cư trú: bản L, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Quàng Văn B, sinh năm 1976 và con bà Hoàng Thị T, sinh năm 1979; gia đình bị cáo có 03 anh, chị, em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; có vợ là Lò Thị L, sinh năm 2000 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án: không;

tiền sự: không; nhân thân: chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/3/2022 đến ngày 03/4/2022 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Vũ Quang T, sinh năm 1988. Trú tại bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt không lý do.

- Bà Lò Thị L, sinh năm 2000. Trú tại bản L, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 24/3/2022, tại siêu thị Điện máy xanh huyện Đ, Nguyễn Văn T, trú tại bản H, xã T, huyện Đ đã rủ Quàng Văn C, trú tại bản L, xã N, huyện Đ tìm mua ma túy về sử dụng. C đồng ý rồi dùng điện thoại của vợ Lò Thị L gọi điện cho một người đàn ông dân tộc Mông tên H hỏi mua 20 viên Methamphetamine với giá 600.000 đồng và hẹn địa điểm giao nhận tại khu vực bản C, xã K, huyện Đ. Sau khi hẹn được với H, T đưa cho C 600.000 đồng rồi mượn xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, biển kiểm soát 27B1 - 056.28 của anh Vũ Quang T chở C đi lên bản C, xã K, huyện Đ gặp H. C đến gặp trực tiếp trao đổi với H mua 20 viên Methamphetamine giá 600.000đ. Mua được ma túy C quay về chỗ T rồi cả hai quay xe đi về thị trấn Đ để cùng nhau sử dụng. Trên đường về đến Tổ 2, thị trấn Đ thì bị Tổ công tác Công an phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ của Nguyễn Văn T và Quàng Văn C gồm: 01 túi nilon màu hồng bên trong chứa 20 viên nén màu hồng nghi là Methamphetamine; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, màn hình cảm ứng thu của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, màn hình cảm ứng thu của Quàng Văn C; 01 xe máy nhãn hiệu sirius, màu xám đen, biển kiểm soát 27B1-056.28.

Theo biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định chất ma túy ngày 25/3/2022 của Công an huyện Đ và Kết luận giám định số 465/KL-KTHS, ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Khối lượng 20 viên nén màu hồng thu giữ của Nguyễn Văn T và Quàng Văn C là 1,87 gam, mẫu trích 0,28 gam gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng số 15/QĐ-XLVC ngày 30/5/2022 trả chiếc điện thoại di động Iphone màu đen cho bà Lò Thị L, sinh năm 2000, trú tại bản L, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Trả chiếc xe máy biển kiểm soát 27B1-056.28 cho anh Vũ Quang T, sinh năm 1988, trú tại bản N 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên và trả chiếc điện thoại Iphone màu trắng cho bị cáo Nguyễn Văn T.

Đối với người đàn ông tên Hạnh các bị cáo khai là người bán ma túy cho các bị cáo do không có thông tin đầy đủ nên cơ quan điều tra chưa điều tra làm rõ được.

Cáo trạng số: 85/CT-VKSĐBD ngày 19/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Quảng Văn C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Quảng Văn C về tội phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, xử phạt mỗi bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 1,59 gam Methamphetamine còn lại sau giám định. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Án phí đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Quảng Văn C, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Quang T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ có lời khai thể hiện chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B1-056.28 thuộc sở hữu của hai vợ chồng anh T, do anh T không có xe sử dụng và là đồng nghiệp bán hàng với nhau nên vào ngày 24/3/2022 anh Tiên cho bị cáo Nguyễn Văn T mượn sử dụng, không biết bị cáo T sử dụng đi mua ma túy. Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh T sử dụng vào ngày 30/5/2022, anh không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lò Thị L có lời khai thống nhất với lời khai trong hồ sơ thể hiện chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, màn hình cảm ứng cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Quảng Văn C là tài sản của chị L, do điện thoại của bị cáo C bị hỏng nên mượn của chị sử dụng, việc bị cáo C sử dụng điện thoại liên lạc mua ma túy chị không biết, cơ quan điều tra đã trả chiếc điện thoại trên cho chị vào ngày 30/5/2022 để sử dụng, chị không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như Cáo trạng truy tố, không tranh luận gì thêm. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi của các bị cáo bị truy tố thấy rằng:

Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận vào ngày 25/3/2022, các bị cáo đã có hành vi cất giấu 1,87 gam Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng, nguồn gốc số ma túy đó là do bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Quảng Văn C đi mua của người đàn ông dân tộc Mông tên H tại khu vực bản C, xã K, huyện Đ. Như vậy, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 25/3/2022; biên bản niêm phong xác định khối lượng vật chứng, kết luận giám định, các bản cung trong hồ sơ, bản kết luận điều tra cùng

các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ nhận định hành vi mua tàng trữ trái phép 1,87 gam Methamphetamine là vi phạm pháp luật nên đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 85/CT-VKSĐBD ngày 19/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố.

Tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

“*c. Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam*”.

[2] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi.

Các bị cáo đều là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; nhận thức rõ hành vi sử dụng chất ma túy là có hại cho sức khỏe bản thân nhưng các bị cáo vẫn cố ý vi phạm, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước việc gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an, an toàn xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng cần xử lý nghiêm minh.

Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo T bột phát đưa ra ý tưởng rồi cùng với bị cáo C liên hèm đi tìm mua ma túy về sử dụng cho nên các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm như nhau đối với hành vi tàng trữ 1,87 gam Methamphetamine bị truy tố.

[3] Xét nhân thân và các tính tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho thấy:

Bản thân các bị cáo đều còn tuổi đời rất trẻ, đã xây dựng gia đình riêng, các con còn nhỏ tuổi, cuộc sống khó khăn, công việc không ổn định. Tuy nhiên vì không làm chủ được bản thân, suy nghĩ thiếu chín chắn khi cho rằng sử dụng ma túy để giải tỏa áp lực trong công việc và cuộc sống mới đi mua ma túy về sử dụng dẫn đến phạm tội như ngày hôm nay, các bị cáo sẽ phải chịu một hình phạt nghiêm minh cho hành vi của mình đã gây ra, đây là bài học cảnh tỉnh chung cho tất cả mọi người.

Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo Nguyễn Văn T có ông ngoại là Nguyễn Văn H là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3, bị cáo Quàng Văn C có ông ngoại là Hoàng Thắm S là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến vẻ vang hạng 3 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo không phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Về hình phạt :

Hình phạt chính : Từ phân tích từ mục [1] đến mục [4], Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo phải cùng chịu mức hình phạt tù có thời hạn như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội. Do các bị cáo đang được tại ngoại do đó khi áp dụng hình phạt tù cần khấu trừ thời hạn các bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/3/2022 đến ngày 03/4/2022 là 09 ngày vào thời gian chấp hành hình phạt tù, thời hạn tù còn lại các bị cáo phải chấp hành tính từ ngày các bị cáo đi chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: theo khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự quy định các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Song xét điều kiện hoàn cảnh của các bị cáo còn khó khăn. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Vật chứng của vụ án: 1,87 gam Methamphetamine đã trích 0,28 gam gửi giám định không hoàn lại còn 1,59 gam Methamphetamine là chất thuộc loại nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy toàn bộ theo điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với việc cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng số 15/QĐ ngày 30/5/202 trả chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng Iphone màu đen cho chủ ở hữu hợp pháp là bà Lò Thị L, sinh năm 2000, trú tại bản L, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; trả chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng Iphone màu trắng cho bị cáo Nguyễn Văn T và trả 01 chiếc xe máy SIRIUS nhãn hiệu YAMAHA, màu xanh bạc, biển kiểm soát 27B1-05628 cho chủ ở hữu hợp pháp là ông Vũ Quang T, sinh năm 1988, trú tại bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên là đúng pháp luật, cho nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T bị kết án, không thuộc diện được miễn tiền án phí hình sơ thẩm nên căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với bị cáo Quảng Văn C là người dân tộc thiểu số, đang cư trú ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị cáo xin Hội đồng xét xử miễn án phí. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Quảng Văn C.

[8] Về vấn đề khác trong vụ án: Đối với người đàn ông tên H các bị cáo khai đã bán ma túy cho các bị cáo. Tuy nhiên do không có đủ thông tin cụ thể nên cơ quan điều tra chưa điều tra xử lý được, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T và Quảng Văn C.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: không) và Quảng Văn C (tên gọi khác: không) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ là 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù với thời gian là 01 năm 05 tháng 21 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Quảng Văn C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ là 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù với thời gian là 01 năm 05 tháng 21 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

2. Vật chứng:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu iêu hủy 1,59 gam methamphetamine là vật chứng còn lại của vụ án được hoàn lại sau giám định.

Vật chứng đã được niêm phong và bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 20/10/2022 giữa cơ quan Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ.

- Chấp nhận việc cơ quan điều tra ra quyết định xử lý vật chứng số 15/QĐ ngày 30/5/202 trả vật chứng gồm: trả chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng Iphone màu đen cho bà Lò Thị L, sinh năm 2000, trú tại bản L, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; trả chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng Iphone màu trắng cho bị cáo Nguyễn Văn T và trả 01 chiếc xe máy SIRIUS nhãn hiệu YAMAHA, màu xanh bạc, biển kiểm soát 27B1-05628 cho ông Vũ Quang T, sinh năm 1988, trú tại bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

3. Án phí:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Quàng Văn C.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/11/2022). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên
- VKSND tỉnh Điện Biên Đông
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên.
- VKSND huyện Đ
- Công an huyện Đ
- Chi cục THADS huyện Đ
- Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Nga